

# Lời nói đầu

Cuộc điều tra Quốc gia về Vị thành niên và thanh niên Việt Nam năm 2003 do Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê thực hiện với sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF).

Đây là cuộc điều tra lần đầu tiên được tiến hành trên quy mô toàn quốc với mục đích cơ bản là tìm hiểu các thông tin nhiều mặt về vị thành niên và thanh niên, giúp hoạch định các chính sách và xây dựng các chương trình nâng cao sức khỏe và phát triển toàn diện của giới trẻ Việt Nam.

Kết quả Điều tra đã cho thấy một bức tranh tích cực về thanh thiếu niên Việt Nam đang có những cơ hội mới cũng như đang đối mặt với thách thức về nhiều mặt của sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. So sánh với các nước láng giềng thuộc khu vực châu Á, thanh thiếu niên Việt Nam có tương đối ít các hành vi nguy cơ và có nhiều yếu tố bảo vệ hơn, phần lớn đều bày tỏ sự lạc quan và khao khát xây dựng một đất nước Việt Nam phồn vinh. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng như các nghiên cứu tại nhiều quốc gia khác cũng cho thấy có một bộ phận thanh thiếu niên gặp không ít khó khăn trong giai đoạn phát triển, chuyển tiếp thành người trưởng thành. Vận mệnh và tương lai của thanh thiếu niên sẽ nằm trong tay của chính họ đồng thời cũng phụ thuộc vào hành động của cha mẹ, cộng đồng, xã hội và của Chính phủ, những người đang hết lòng hết sức vì sự nghiệp phát triển thanh thiếu niên Việt Nam.

## **Báo cáo gồm 2 phần:**

**Phần I** Bao gồm 2 chương giới thiệu và phương pháp điều tra

**Phần II** Bao gồm 11 chương kết quả theo các chủ đề và 1 chương khuyến nghị

Chúng tôi ghi nhận sự đóng góp quý giá của các chuyên gia trong nước và quốc tế, bao gồm các chuyên gia trong Ban cố vấn chuyên môn, Ban điều hành trung ương, Hội đồng thẩm định khoa học, các chuyên gia của Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, WHO, UNICEF, Trung tâm Đông – Tây, Hawaii, Đại học Johns Hopkins... đồng thời ghi nhận sự phối hợp chặt chẽ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Nhân dân các cấp, sự tham gia tích cực của các cán bộ ngành Thống kê và đặc biệt là sự cộng tác nhiệt tình của các bậc cha mẹ, các bạn thanh thiếu niên trong mẫu điều tra tại 42 tỉnh thành phố trong cả nước.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu báo cáo này tới tất cả các nhà quản lý, nhà khoa học, các tổ chức trong và ngoài nước quan tâm đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe và phát triển toàn diện thanh thiếu niên Việt Nam.

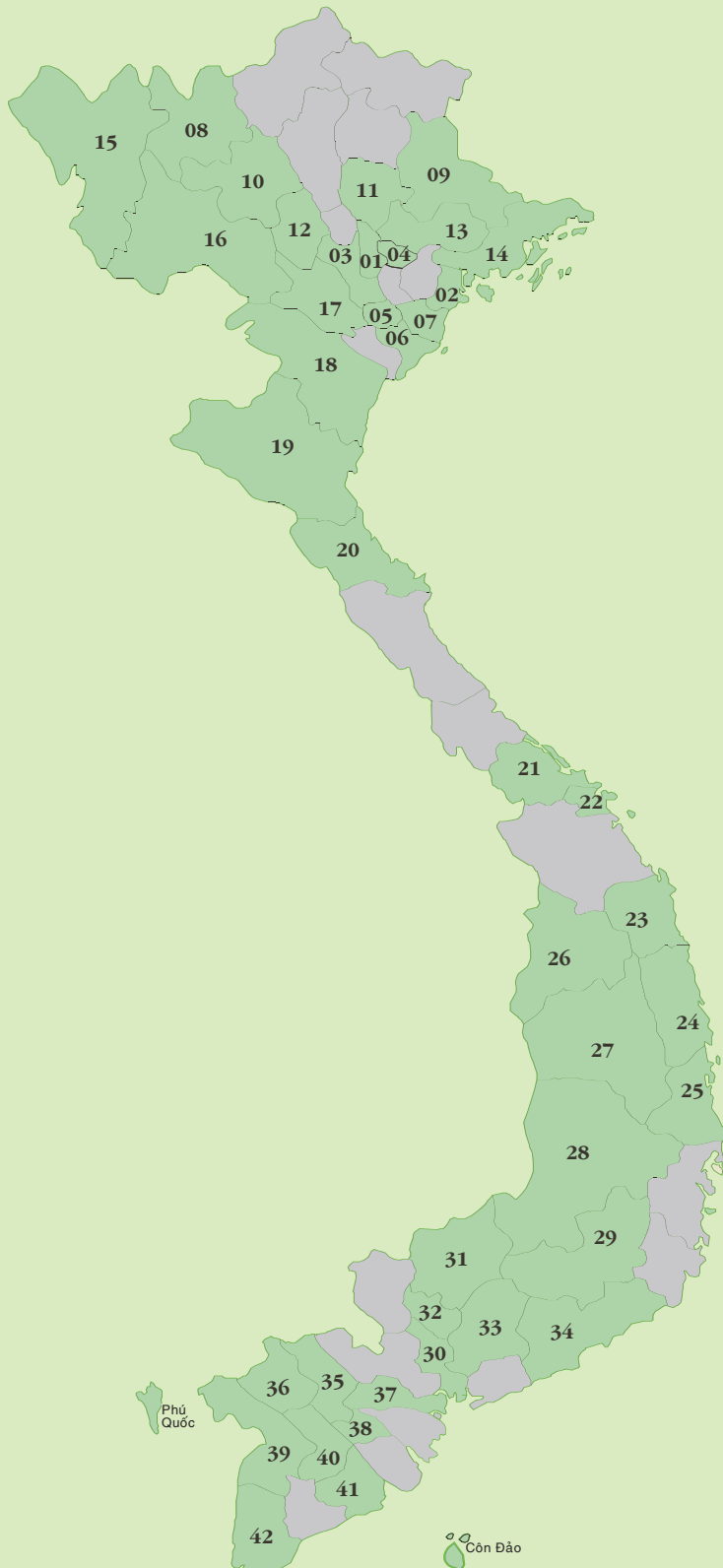
Thay mặt Ban Điều hành cuộc điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên.

BỘ Y TẾ  
**TS. TRẦN CHÍ LIÊM**  
Thứ trưởng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
**TS. NGUYỄN VĂN TIẾN**  
Phó Tổng cục trưởng



## BẢN ĐỒ 42 TỈNH, THÀNH PHỐ THAM GIA ĐIỀU TRA SAVY



### 1. Đông bằng Bắc bộ

- 01 Hà Nội
- 02 Hải Phòng
- 03 Hà Tây
- 04 Bắc Ninh
- 05 Hà Nam
- 06 Nam Định
- 07 Thái Bình

### 2. Đông bắc

- 08 Lào Cai
- 09 Lạng Sơn
- 10 Yên Bái
- 11 Thái Nguyên
- 12 Phú Thọ
- 13 Bắc Giang
- 14 Quảng Ninh

### 3. Tây bắc

- 15 Lai Châu
- 16 Sơn La
- 17 Hòa Bình

### 4. Bắc Trung bộ

- 18 Thanh Hoá
- 19 Nghệ An
- 20 Hà Tĩnh
- 21 Thừa Thiên Huế

### 5. Nam Trung bộ

- 22 TP Đà Nẵng
- 23 Quảng Ngãi
- 24 Bình Định
- 25 Phú Yên

### 6. Tây nguyên

- 26 Kon Tum
- 27 Gia Lai
- 28 Đắk Lắk
- 29 Lâm Đồng

### 7. Đông Nam bộ

- 30 TP Hồ Chí Minh
- 31 Bình Phước
- 32 Bình Dương
- 33 Đồng Nai
- 34 Bình Thuận

### 8. Đồng bằng sông Cửu long

- 35 Đồng Tháp
- 36 An Giang
- 37 Tiền Giang
- 38 Vĩnh Long
- 39 Kiên Giang
- 40 Cần Thơ
- 41 Sóc Trăng
- 42 Cà Mau

## DANH SÁCH CÁN BỘ CHỈ ĐẠO VÀ THAM GIA CUỘC ĐIỀU TRA QUỐC GIA VỀ VỊ THÀNH NIÊN VÀ THANH NIÊN VIỆT NAM

### Ban điều hành Chương trình Đánh giá Sức khỏe Thanh niên và Vị thành niên Việt Nam

TS. **Trần Chí Liêm**, Thứ trưởng Bộ Y tế, Trưởng ban

TS. **Nguyễn Văn Tiến**, Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục Thống kê

Ông **Đào Ngọc Dung**, Bí Thư Trung Ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

BS. **Nguyễn Đình Loan**, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Sinh sản, Bộ Y tế, Phó ban

TS. **Nguyễn Duy Khê**, Phó Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Sinh sản, Bộ Y tế

BS. **Nguyễn Phiên**, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học - Đào tạo, Bộ Y tế

TS. **Nguyễn Hữu Minh**, Phó Viện trưởng Viện Xã hội học

TS. **Ngũ Duy Anh**, Phó Vụ trưởng Vụ giáo dục thể chất, Bộ Giáo dục - Đào tạo

TS. **Nguyễn Hoàng Long**, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Y tế

BS. **Nguyễn Thị Hòa Bình**, Phó Trưởng ban Gia đình xã hội- Hội Liên Hiệp Phụ Nữ

Ths. **Hoàng Tú Anh**, Giám đốc Công ty Tư vấn Đầu tư Y tế

TS. **Christian Salazar**, Điều phối viên chương trình cao cấp, Phó Đại diện UNICEF Việt Nam

TS. **Cristobal Tunon**, Nguyên Phó Đại diện Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) Việt Nam

### Ban chỉ đạo Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh Niên Việt Nam

Ông **Nguyễn Văn Tiến**, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê: Trưởng Ban

Ông **Nguyễn Phong**, Vụ trưởng Vụ Xã hội Môi trường: Ủy viên thường trực

Bà **Tống Thị Đua**, Phó Vụ trưởng Vụ Xã hội Môi trường: Ủy viên thư ký

Ông **Thân Văn Niên**, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Đào tạo: Ủy Viên

Ông **Nguyễn Duy Khê**, Phó Vụ trưởng Vụ Sức khỏe sinh sản, Bộ Y tế: Ủy viên

Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**, Ủy viên Đoàn Chủ tịch, Chánh văn phòng Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Ủy Viên

Ông **Đặng Cảnh Khanh**, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Thanh niên: Ủy viên

Bà **Lê Thị Minh Châu**, Cán bộ điều hành dự án, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Hà Nội: Ủy viên

Bà **Margaret Sheehan**, Chuyên gia về sức khỏe vị thành niên và thúc đẩy giáo dục sức khỏe trong trường học, WHO Hà Nội: Ủy viên

### Nhóm cố vấn cho điều tra SAVY

- BS. **Nguyễn Đình Loan**, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Sinh sản, Bộ Y tế  
TS. **Nguyễn Duy Khê**, Phó Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Sinh sản, Bộ Y tế  
CN. **Nguyễn Phong**, Vụ Trưởng Vụ Xã hội Môi trường  
TS. **Nguyễn Hữu Minh**, Phó Viện trưởng, Viện Xã hội học  
TS. **Vũ Mạnh Lợi**, Viện Xã hội học  
TS. **Đặng Nguyên Anh**, Viện Xã hội học  
TS. **Vũ Quý Nhân**, Hội đồng Dân số  
TS. **Khuất Thị Thu Hồng**, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội  
TS. **Nguyễn Hoàng Long**, Vụ Kế Hoạch Tài chính, Bộ Y tế

### Các chuyên gia quốc tế

- TS. **Peter Xenos**, Cố vấn kỹ thuật cho cuộc điều tra, Trung tâm Đông Tây, Hawaii  
Ông **Anthony Turner**, Chuyên gia chọn mẫu  
Bà **Pascale Brudon**, Nguyên Trưởng Đại diện Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) Việt Nam  
BS **Hans Troedsson**, Trưởng đại diện Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) Việt Nam  
Ông **Anthony Bloomberg**, Nguyên Trưởng Đại diện Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) Việt Nam  
TS. **Christian Salazar**, Điều phối viên chương trình cao cấp, Phó Đại diện UNICEF Việt Nam  
Giáo sư **Robert Blum**, Đại Học John Hopkins

### Nhóm tác giả chính của báo cáo

- TS. **Nguyễn Duy Khê**, ThS. **Nguyễn Nhật Thanh** (Bộ Y tế)  
CN. **Nguyễn Phong**, CN. **Tống Thị Đưa**, CN. **Nguyễn Đình Chung** (Tổng cục Thống kê)  
ThS. **Margaret Sheehan** (Tổ chức Y tế Thế giới - WHO)  
ThS. **Lê Thị Minh Châu** (Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc - UNICEF)



# MỤC LỤC

<b>TÓM TẮT</b>	<b>9</b>
● Giới thiệu	9
● Thanh thiếu niên Việt Nam trong gia đình	9
● Giáo dục	9
● Lao động, việc làm và giáo dục dạy nghề	9
● Tình bạn, hẹn hò, tình dục và sức khỏe sinh sản	10
● Có thai, nạo hút thai	10
● Nhận thức, kiến thức và nguồn thông tin về sức khỏe sinh sản	11
● HIV/AIDS	11
● Sử dụng các chất gây nghiện	11
● Những hành vi có hại cho sức khỏe	11
● Tai nạn, thương tích và bệnh tật	12
● Lòng tự trọng, ước muốn và hoài bão	12
● Kết luận	12

## PHẦN I. GIỚI THIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

### Chương 1

<b>GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CUỘC ĐIỀU TRA QUỐC GIA VỀ VỊ THÀNH NIÊN VÀ THANH NIÊN VIỆT NAM (SAVY)</b>	<b>13</b>
---	-----------

1.1. Giới thiệu khái quát về Việt Nam	14
1.2. Thanh thiếu niên Việt Nam	14
1.3. Điều tra về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY)	15
1.4. Xác định đối tượng vị thành niên và thanh niên nghiên cứu	15
1.5. Mô hình yếu tố nguy cơ và cơ chế bảo vệ	16
1.6. Điểm qua những vấn đề ưu tiên	17
1.7. Cấu trúc báo cáo SAVY	17

### Chương 2

<b>PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA</b>	<b>19</b>
-----------------------------	-----------

2.1. Dàn mẫu và chọn mẫu	19
2.2. Phiếu hỏi	19
2.3. Phương pháp điều tra	20
2.4. Tập huấn nghiệp vụ và thu thập thông tin tại địa bàn	21
2.5. Sai số trong điều tra và hạn chế của số liệu	21
2.6. Sai số phi chọn mẫu	22
2.7. Các sai số chuẩn	22



## PHẦN II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

### Chương 1

<b>THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM TRONG GIA ĐÌNH</b>	<b>23</b>
1.1. Quy mô hộ gia đình	23
1.2. Đời sống kinh tế của gia đình	23
1.3. Sống chung với cha mẹ	25
1.4. Lập gia đình	25
1.5. Trải nghiệm sống xa gia đình	26
1.6. Quan hệ gắn bó với gia đình	26
1.7. Những dấu hiệu bất hòa	26

### Chương 2

<b>GIÁO DỤC</b>	<b>27</b>
2.1. Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học	27
2.2. Tỷ lệ bỏ học	28
2.3. Tỷ lệ biết chữ	29
2.4. Học thêm	29
2.5. Quan niệm về trường học và giáo viên	30

### Chương 3

<b>LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ</b>	<b>32</b>
3.1. Tỷ lệ làm việc	32
3.2. Các loại việc làm	33
3.3. Sự hài lòng về công việc	34
3.4. Học nghề	34
3.5. Việc làm là ưu tiên hàng đầu của thanh thiếu niên	35

### Chương 4

<b>TÌNH BẠN, HẸN HÒ, TÌNH DỤC VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN</b>	<b>36</b>
4.1. Tình bạn và nhóm bạn	36
4.2. Dạy thì	37
4.3. Bạn trai và bạn gái	38
4.4. Quan hệ tình dục	39
4.5. Tình dục trước hôn nhân ở những thanh niên đã lập gia đình	42
4.6. Quan niệm về mức độ phổ biến đối với quan hệ tình dục trước hôn nhân	42
4.7. Quan niệm về quan hệ tình dục trước hôn nhân	44
4.8. Quan niệm về mại dâm	45
4.9. Nhận thức và thái độ đối với vấn đề đồng tính luyến ái	47
4.10. Có thai	47
4.11. Các dịch vụ dự phòng và những bất thường xảy ra khi mang thai	48
4.12. Nạo hút thai	49



## Chương 5

### **NHẬN THỨC, KIẾN THỨC VÀ NGUỒN THÔNG TIN VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN 51**

5.1. Nhận thức về các chủ đề sức khỏe sinh sản	51
5.2. Nguồn thông tin	51
5.3. Chia sẻ thông tin về hiện tượng dậy thì	52
5.4. Tiếp cận với thông tin đại chúng	53
5.5. Nhận thức và kiến thức về sức khỏe sinh sản	54

## Chương 6

### **HIV/AIDS 58**

6.1. Nhận thức về HIV/AIDS	58
6.2. Các nguồn thông tin về HIV/AIDS	58
6.3. Mức độ hiểu biết về HIV/AIDS	59
6.4. Các cách phòng tránh HIV	61
6.5. Quan niệm về bao cao su	62
6.6. Quan niệm về đối xử với người nhiễm HIV/AIDS	62

## Chương 7

### **SỬ DỤNG CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN 63**

7.1. Sử dụng Heroin và các chất ma túy	63
7.2. Nhận thức về ma túy và các đối tượng sử dụng ma túy	63
7.3. Hút thuốc lá	64
7.4. Lý do hút thuốc lá	65
7.5. Hút thuốc lá và ảnh hưởng của nhóm bạn	65
7.6. Uống rượu, bia	66
7.7. Tiếp cận với các thức uống có rượu/cồn	67
7.8. Uống rượu, bia: ảnh hưởng của gia đình và áp lực từ nhóm bạn bè	68
7.9. Uống rượu, bia và những hành vi nguy cơ liên quan	68

## Chương 8

### **NHỮNG HÀNH VI CÓ HẠI CHO SỨC KHỎE 70**

8.1. Đua xe	70
8.2. Bạo lực	70
8.3. Tự gây thương tích và tự tử	71
8.4. Ảnh hưởng từ bạn bè và các hành vi nguy hại	71

## Chương 9

### **TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH VÀ BỆNH TẬT 73**

9.1. Sử dụng xe máy	73
9.2. Sử dụng mũ bảo hiểm	73
9.3. Tai nạn và thương tích cần điều trị	74
9.4. Tai nạn giao thông	74
9.5. Ốm/Bệnh	75



9.6. Dịch vụ y tế	77
9.7. Triệu chứng của lần ốm/bệnh gần đây	78
9.8. Bệnh và tật	79
<b>Chương 10</b>	
<b>LÒNG TỰ TRỌNG, ƯỚC MUỐN VÀ HOÀI BẢO</b>	<b>80</b>
10.1. Tự đánh giá một cách tích cực về bản thân	80
10.2. Ước vọng lạc quan	81
10.3. Ước vọng trong tương lai	83
10.4. So sánh với cuộc sống của cha mẹ	83
10.5. Nguyên vọng của thanh thiếu niên với nhà nước	83
10.6. Hy vọng và suy nghĩ về tương lai	84
10.7. Suy nghĩ về tiếng nói và cơ hội tham gia của thanh thiếu niên	85
<b>Chương 11</b>	
<b>CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ VÀ YẾU TỐ BẢO VỆ</b>	<b>86</b>
11.1. Sự gắn bó với gia đình là một yếu tố bảo vệ	86
11.2. Có suy nghĩ tích cực và sự lạc quan là một yếu tố bảo vệ	87
11.3. Gắn kết với nhà trường	87
11.4. Tình trạng mâu thuẫn trong gia đình	88
<b>Chương 12</b>	
<b>MỘT SỐ PHÁT HIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>89</b>
12.1. Xác định những vấn đề ưu tiên	89
12.2. Nhắm vào nhóm thanh thiếu niên cụ thể	89
12.3. Kiện toàn khung pháp lý, chính sách nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho thanh thiếu niên	90
12.4. Cải thiện hệ thống điều tra đánh giá thanh thiếu niên và tiến trình lập kế hoạch nhằm hỗ trợ vị thành niên và thanh niên	90
12.5. Xây dựng môi trường thân thiện và hỗ trợ	91
12.6. Truyền thông đại chúng và các hình thức thông tin giáo dục truyền thông khác	91
<b>Phụ lục</b>	
Mô tả mẫu điều tra	93
Bảng sai số chọn mẫu	94
Phiếu hỏi	100